

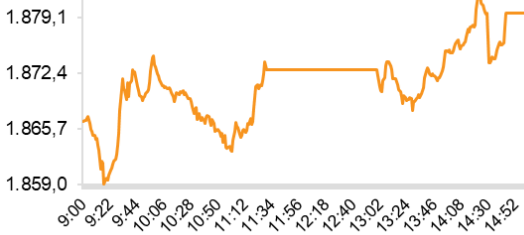
**KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
+84 2439724568  
Research@vndirect.com.vn  
vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.879,6	262,3	128,9
1 ngày (%)	1,0	-0,3	0,1
1 tháng (%)	1,9	6,1	1,8
Từ 2026	5,3	5,5	6,5
1 Năm (%)	44,3	9,9	29,2
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	332	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,2	1,8	0,9
Số mã tăng	134	62	137
Số mã giảm	183	78	129
Số mã tham chiếu	87	156	479

Nguồn: Bloomberg

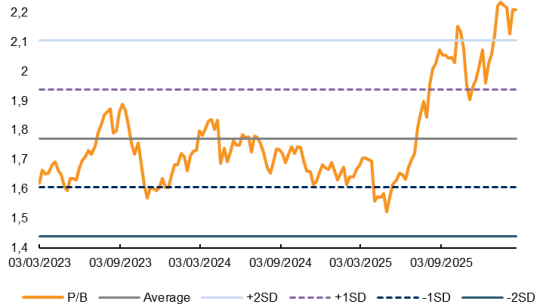
**Diễn biến của VN-Index trong phiên**



**PE của VN-Index**



**P/B của VN-Index**



**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index phân hóa khi nhóm Vingroup tăng mạnh**

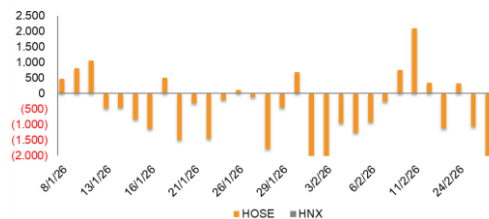
Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận diễn biến tích cực với sắc xanh được hỗ trợ bởi nhóm Vingroup khi ghi nhận một phiên tăng trưởng mạnh. Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/02, VN-Index đóng cửa tại 1.879,64 điểm, tăng +18,73 điểm (+1,01%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường lại có diễn biến trái chiều với 136 cổ phiếu tăng và 181 cổ phiếu giảm điểm, cho thấy tâm lý nhà đầu tư duy trì sự thận trọng khi xuất hiện hiện tượng “xanh vỏ đỏ lòng”.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.069,82 điểm, tăng +20,18 điểm (+0,98%). Trong rổ VN30, áp lực phân hóa giảm rõ rệt khi 16 cổ phiếu tăng và 10 cổ phiếu giảm điểm, phản ánh sự dẫn dắt của một số cổ phiếu vốn hóa lớn. Xét theo ngành, phiên hôm nay có sự luân chuyển dòng tiền rõ nét: Bất động sản là điểm sáng với mức tăng +3,81%, dẫn dắt bởi nhóm vốn hóa lớn. Tiếp đến là nhóm công nghệ và Dầu khí cũng ghi nhận mức tăng lần lượt +1,36% và +1,02%, thu hút dòng tiền chọn lọc. Một số ngành chịu áp lực như Viễn thông và Hóa chất cùng giảm -2,48%, Hàng cá nhân & Gia dụng giảm -2,41%, Dịch vụ tiện ích giảm -1,90%, Bảo hiểm giảm -1,50%.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 26/02 sụt giảm về mức 25.074 tỷ đồng, giảm 27,96% so với phiên trước đó và thấp hơn so với trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự sụt giảm về mặt khối lượng trong một phiên tăng điểm cho thấy dòng tiền mua chủ động đang có dấu hiệu đứng ngoài quan sát, phân hóa và tập trung tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Diễn biến phân hóa cao làm rầy lên rủi ro điều chỉnh ngắn hạn khi một số ngành còn chịu áp lực bán. Trong bối cảnh thị trường đang có dấu hiệu phân phối ngắn hạn và áp lực chốt lời gia tăng tại các nhóm cổ phiếu đã tăng nóng, nhà đầu tư cần ưu tiên quản trị rủi ro nhưng vẫn có thể tìm kiếm cơ hội ở các nhóm đang dẫn dắt: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: (1) Tránh tâm lý bán tháo trong các nhịp rung lắc, tận dụng các phiên phục hồi để cơ cấu lại các cổ phiếu yếu kém. (2) Ưu tiên giữ lại các cổ phiếu thuộc nhóm ngành có dòng tiền riêng biệt như Công nghệ và Bán lẻ. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng thấp tại các vùng hỗ trợ mạnh của các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. (2) Việc giải ngân nên tập trung vào các nhóm ngành dự kiến có kết quả kinh doanh quý 1/2026 khả quan.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	144,0	4,0	0,6	1,8	1,5	39,1	-13,2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,5	24,6	5,6	-0,8	-0,5	-0,8	14,4	-18,6
Năng lượng	2,9	28,9	2,4	1,4	29,1	71,4	94,6	-14,9
Tài chính	39,1	13,2	1,9	0,3	1,6	10,0	30,2	-21,5
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,8	2,9	0,0	1,6	5,1	14,9	18,6
Công nghiệp	7,4	24,0	5,1	0,8	3,8	0,0	52,3	19,3
Công nghệ thông tin	2,0	17,8	4,1	1,4	-5,9	-2,3	-21,6	-60,1
Vật liệu xây dựng	6,6	22,6	2,1	-1,3	9,0	24,5	19,6	-31,3
Bất động sản	24,6	66,2	6,1	4,3	1,6	-3,6	479,1	12,1
Dịch vụ tiện ích	4,6	19,1	3,1	-2,4	0,3	32,9	43,6	6,8

**Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)**



**Điểm tin**

**Tin vĩ mô thế giới**

- **Mỹ:** Theo thông tin từ Reuters, Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer cho biết mức thuế nhập khẩu bổ sung hiện tại 10% có thể được nâng lên 15% hoặc cao hơn đối với hàng hóa từ một số quốc gia, dù chưa nêu cụ thể đối tượng áp dụng.
- **Trung Quốc:** Cuối tháng 2/2026, Trung Quốc bước vào giai đoạn chuẩn bị cho kỳ họp thường niên của Quốc hội và Chính hiệp (gọi chung là “Lưỡng hội”) dự kiến diễn ra đầu tháng 3. Đây là sự kiện chính trị – kinh tế quan trọng nhất quý I, nơi Bắc Kinh sẽ công bố các chỉ tiêu và định hướng chính sách cho năm 2026.

**Tin vĩ mô trong nước**

- Năm 2026, Việt Nam đặt kế hoạch vốn đầu tư công khoảng 947 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 38–39 tỷ USD), thuộc nhóm cao nhất từ trước đến nay. Quy mô này phản ánh quyết tâm của Chính phủ trong việc sử dụng chính sách tài khóa làm động lực chính thúc đẩy tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Nguồn vốn sẽ tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm như giao thông (cao tốc, vành đai, logistics), năng lượng, hạ tầng số và chuyển đổi số quốc gia. Việc đẩy mạnh giải ngân ngay từ đầu năm được kỳ vọng tạo hiệu ứng lan tỏa sang các ngành xây dựng, vật liệu, ngân hàng và dịch vụ liên quan.
- Đầu năm 2026, Việt Nam tiếp tục ghi nhận xu hướng thu hút FDI chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), điện tử và công nghệ cao. Theo số liệu gần nhất, FDI giải ngân tháng 1 tăng hơn 11% so với cùng kỳ, cho thấy dòng vốn thực tế vẫn duy trì tích cực, dù vốn đăng ký mới có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước.

**Tin ngành và doanh nghiệp**

- **STB – Vượt đỉnh lịch sử 67.700 đồng, trở thành cổ phiếu ngân hàng có thị giá cao nhất sàn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) (HOSE: STB) vừa thiết lập cột mốc mới khi cổ phiếu tăng mạnh lên 67.700–67.800 đồng/cp trong phiên 25/2, chính thức vượt đỉnh mọi thời đại và vượt qua mức giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) (VCB) để trở thành mã ngân hàng có thị giá cao nhất trên thị trường chứng khoán. Về kết quả kinh doanh, năm 2025 Sacombank ghi nhận lợi nhuận trước thuế 7.628 tỷ đồng, hoàn thành 52% kế hoạch do tăng mạnh trích lập dự phòng hơn 11.300 tỷ đồng. Tổng tài sản đạt gần 918.000 tỷ đồng (+23%), huy động đạt hơn 837.000 tỷ đồng (+24%) và dư nợ tín dụng hơn 626.000 tỷ đồng (+16%).
- **VPB – VPBank định hình cấu trúc tài chính đa động lực qua chiến lược hệ sinh thái:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) (HOSE: VPB) đang bước vào giai đoạn phát triển mới khi tái định vị mô hình tăng trưởng theo hướng tập đoàn tài chính đa năng, với nhiều trụ cột đóng góp lợi nhuận độc lập thay vì phụ thuộc vào một mảng kinh doanh duy nhất. Theo kế hoạch năm 2026, VPBank đặt mục tiêu: Tổng tài sản hợp nhất: 1,63 triệu tỷ đồng (+29%), Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: hơn 41.300 tỷ đồng (mức cao nhất lịch sử)
- **HAH – Lợi nhuận duy trì nền cao nhờ đội tàu container mở rộng:** Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HOSE: HAH) tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025 nhờ chiến lược mở rộng đội tàu và tận dụng hiệu quả thị trường cho thuê tàu quốc tế. Kết quả kinh doanh năm 2025 Doanh thu: khoảng 3.600–3.700 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: khoảng 850–900 tỷ đồng, Biên lợi nhuận cải thiện nhờ: Giá cước container duy trì ở mức thuận lợi trong nửa đầu năm, Tăng tỷ trọng khai thác tàu cho thuê (time charter), Tối ưu hiệu suất khai thác đội tàu HAH tiếp tục mở rộng đội tàu container cỡ trung (1.700–3.500 TEU), phục vụ cả tuyến nội địa và quốc tế (nội Á). Việc gia tăng tàu cho thuê định hạn giúp công ty ổn định dòng tiền và giảm rủi ro biến động cước ngắn hạn.
- **PVT – Lợi nhuận cao nhất lịch sử, nền tảng tài chính vững:** Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) (HOSE: PVT) tiếp tục là doanh nghiệp đầu ngành vận tải dầu khí với Kết quả năm 2025: Doanh thu: khoảng 16.800 – 17.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: khoảng 1.300 – 1.400 tỷ đồng (mức cao kỷ lục). Đóng góp lớn từ: Hợp đồng time charter dài hạn, Mở rộng đội tàu dầu thô, LPG và hóa chất, Thanh lý tàu cũ ghi nhận lãi. Kế hoạch 2026: Doanh thu mục tiêu khoảng 16.500 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế khoảng 1.200 tỷ đồng (giảm nhẹ so với 2025), Đầu tư gần 3.858 tỷ đồng chủ yếu cho mua tàu mới.

**Thị trường tiền tệ và hàng hoá**

- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm mạnh xuống 2,7% trong ngày 26/2. Ngân hàng Nhà nước đã hút ròng bốn nghìn tỷ đồng, tổng cộng ~61 nghìn tỷ đồng thông qua kênh nghiệp vụ thị trường mở trong tuần này.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,75	0,2	3,7	15,4	54,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	2,73	-25,2	-51,1	65,5	-33,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,23	-2,0	-2,7	-12,4	55,5
USD/VND	26.090	0,1	0,4	0,8	-2,1
DXY	97,74	0,0	0,7	-0,6	-8,2
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,05	0,0	-3,8	-2,8	-4,8
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,48	-0,2	-4,8	-1,7	-13,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.200,30	-0,5	2,3	19,8	78,3
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,92	-0,8	7,1	13,1	-5,4
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	70,26	-0,8	7,1	15,5	-3,1
Thép (USD/tấn)	465,6	-0,1	-2,1	-2,1	-8,5
Thịt heo (USD/kg)	1,6	-0,3	-16,5	-14,2	-26,1
Gạo (USD/tấn)	452,2	0,7	-8,8	3,9	-24,6
Phân urea (USD/tấn)	428,5	6,5	14,4	25,1	14,3

**Lịch sự kiện quan trọng trong tuần**

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 24/02/2026	Mỹ	Báo cáo thay đổi việc làm hàng tuần của ADP
Thứ Năm 26/02/2026	Mỹ	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp Lần Đầu
Thứ Sáu 27/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng trên tháng) tháng 01
	Mỹ	PPI lõi (Tháng trên tháng) tháng 01

**Danh mục cổ phiếu theo dõi**

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	7.360	5,0	3.450	53.600	73.300	37,8%	1,0%	17,7	2,7	17%
AST	131	0,0	5	75.800	85.400	16,0%	3,3%	13,8	5,8	45%
HVN	3.298	1,6	704	27.650	43.400	59,2%	2,3%	10,8	14,3	
VJC	3.706	12,9	868	178.500	113.600	-35,8%	0,6%	47,4	4,3	10%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	440	4,2	201	37.750	37.200	-1,5%		70,0	2,8	3%
DGW	449	4,9	124	53.000	49.600	-5,5%	0,9%	21,2	3,4	17%
FRT	1.116	3,6	180	170.900	150.300	-11,9%	0,2%	36,6	5,6	26%
MCH	7.257	1,9	2.531	146.000	147.000	2,1%	1,4%	28,3	10,5	46%
MWG	5.304	23,7	79	93.600	96.300	4,0%	1,1%	19,6	4,2	23%
PNJ	1.569	6,6	21	120.000	109.900	-7,6%	0,8%	14,8	3,1	23%
QNS	695	0,3	282	49.300	53.400	10,3%	2,0%	8,1	1,4	18%
SAB	2.414	3,7	1.005	49.100	59.900	26,1%	4,1%	14,7	3,0	20%
VHC	539	2,8	428	62.600	71.300	17,1%	3,2%	10,3	1,5	15%
VNM	5.655	17,2	2.807	70.600	74.800	10,0%	4,0%	17,5	4,8	27%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.814	11,8	136	24.450	31.300	31,6%	3,6%	8,0	1,3	18%
BID	13.039	14,5	1.656	48.450	47.200	-1,7%	0,9%	11,4	2,0	19%
CTG	11.461	22,3	528	38.500	49.000	28,1%	0,8%	8,6	1,7	21%
HDB	5.448	20,7	226	28.400	39.500	41,3%	2,3%	8,0	1,9	25%
LPB	4.941	3,2	207	43.150	33.400	-16,8%	5,8%	11,3	2,7	25%
MBB	8.892	30,4	2	28.800	32.900	16,0%	1,7%	8,7	1,7	22%
STB	4.841	27,2	742	67.000	45.700	-30,9%	0,9%	21,3	2,1	10%
TCB	9.900	16,3	0	36.450	40.300	13,3%	2,7%	10,2	1,5	16%
TPB	1.951	7,6	97	18.350	17.800	2,2%	5,2%	6,9	1,2	18%
VCB	20.945	24,0	1.943	65.400	69.300	6,7%	0,7%	15,5	2,4	17%
VIB	2.270	4,2	5	17.400	23.600	39,2%	3,5%	8,1	1,3	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.788	22,1	454	28.900	37.100	30,1%	1,7%	9,6	1,4	15%
<b>Dệt may</b>										
MSH	167	0,8	72	38.700	40.600	15,2%	10,3%	7,1	2,3	33%
TCM	114	1,5	2	26.500	29.800	14,3%	1,9%	12,3	1,2	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.618	2,7	859	66.000	68.600	5,6%	1,7%	19,8	3,0	16%
GMD	1.331	4,5	121	81.400	72.000	-9,1%	2,5%	22,2	2,7	12%
HAH	397	4,0	88	61.400	55.400	-8,5%	1,3%	8,9	2,3	29%
VSC	360	7,7	170	25.100	19.100	-21,9%	2,0%	27,6	1,7	7%
IDC	707	5,2	245	48.600	45.600	-3,1%	3,1%	9,5	2,9	32%
KBC	1.283	6,1	486	35.550	30.000	-14,6%	1,1%	14,4	1,3	10%
PHR	331	1,7	120	63.700	68.400	9,5%	2,1%	18,2	2,1	13%
VTP	498	3,3	218	106.700	129.200	22,1%	1,0%	37,3	7,3	21%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	1.071	13,8	442	73.600	128.300	78,4%	4,1%	9,8	1,9	20%
HPG	8.649	40,2	2.325	29.400	30.000	3,0%	1,0%	14,6	1,7	13%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	5.758	15,1	2.700	30.000	16.700	-42,9%	1,4%	29,0	2,5	9%
GAS	9.803	11,0	4.577	106.000	78.400	-24,1%	1,9%	22,4	3,9	18%
OIL	694	3,0	42	17.500	14.800	-14,0%	1,4%	55,4	1,7	3%
PLX	2.800	12,2	122	57.500	47.700	-15,0%	2,1%	30,6	2,8	10%
PVD	797	10,3	289	37.400	32.600	-6,1%	6,7%	22,8	1,2	6%
PVS	908	12,3	291	46.300	41.800	-8,3%	1,4%	13,0	1,6	13%
PVT	405	3,8	156	22.500	23.400	5,0%	1,0%	10,2	1,2	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	691	4,7	308	26.500	22.700	-11,1%	3,3%	17,6	1,6	10%
DCM	820	4,0	356	40.400	40.000	4,0%	5,0%	13,0	2,0	16%
DDV	170	1,5	79	30.400	39.700	33,6%	3,0%	26,4	2,5	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	98	0,9	47	31.500	34.100	9,8%	1,6%	187,5	1,9	9%
<b>Điện</b>										
POW	1.658	7,1	748	14.100	14.400	3,3%	1,2%	17,1	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	391	2,3	120	27.600	37.400	37,0%	1,5%	14,5	1,5	11%
PC1	445	4,9	153	28.200	26.500			12,5	1,8	15%
REE	1.291	1,2	0	62.200	76.600	24,8%	1,6%	13,3	1,6	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	672	8,3	186	15.750	18.300	28,9%	12,7%	68,2	1,2	2%
KDH	1.204	6,2	262	28.000	41.800	50,3%	1,1%	31,9	1,7	5%
NLG	527	2,9	39	28.350	42.200	50,5%	1,6%	19,4	1,1	6%
VHM	16.940	32,2	7.097	107.600	93.600			10,8	1,9	19%
VRE	2.591	12,7	959	29.750	32.000	11,1%	3,5%	10,5	1,4	14%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	5.909	35,8	674	90.500	118.200	31,7%	1,1%	16,4	4,2	28%

**MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

### Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

### Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

### Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

### Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

### Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

### Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

### Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

### Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA